

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực
Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của
Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã
trên địa bàn thành phố Huế**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;
Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của
Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm
2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan
đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của
Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên
thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định
367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều
của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về
thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ
phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông
nghiệp và Môi trường Quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ
thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng
thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu
tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá;*

*Căn cứ Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của
Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân
cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy
sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành
kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của
Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế).*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 424/TTr-SNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 03 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản và Kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Huế.

(Danh mục và Nội dung cụ thể TTHC kèm theo)

Điều 2. Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị thực hiện các công việc sau:

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện cập nhật Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC theo đúng quy định, đồng bộ dữ liệu TTHC công bố từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC về Cơ sở dữ liệu TTHC thành phố Huế theo đúng quy định; trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC, hoàn thành trước ngày 26/01/2026.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

- Niêm yết, công khai và triển khai giải quyết TTHC liên quan theo hướng dẫn tại các Quyết định số 68/QĐ-BNNMT ngày 10 tháng 01 năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là UBND thành phố Huế) công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (<https://dichvucong.gov.vn>) theo quy định.

- Hoàn thành việc cấu hình TTHC liên quan đến phần việc của mình trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC sau khi Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thay thế các TTHC đã được công bố có số thứ tự 1, 2, 3 tại Phần I Danh mục TTHC và Phần II nội dung cụ thể của các TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2751/QĐ-UBND ngày 26 tháng 8 năm 2025 của Chủ tịch UBND thành phố công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Nông nghiệp và Môi trường áp dụng tại UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT thành phố,
- TT PVHCC thành phố, cấp xã;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Hải Minh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG LĨNH VỰC THỦY SẢN VÀ KIỂM NGU'
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ**

(Kèm theo Quyết định số: 337/QĐ-UBND ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã TTHC)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
1	<i>Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)</i> (1.003650)	03 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; - Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

					hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	
2	<i>Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)</i> (1.003634)	<i>02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.</i>	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; - Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

					dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	
3	Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét) 1.003681	- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định; - Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định; - Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định; - Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể	- Nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hoặc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn)	Chưa có văn bản quy định	- Luật Thủy sản năm 2017 được sửa đổi bổ sung bởi Luật số 146/2025/QH15; - Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; - Quyết định số 67/2025/QĐ-UBND ngày 06/8/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Huế về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét hoạt động khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ, vùng nội địa trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành kèm theo Quyết định số 36/2023/QĐ-UBND ngày 27/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế)	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. - Cơ quan trực tiếp thực hiện: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

		trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm; - Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện				
--	--	---	--	--	--	--

		ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài); - Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.				
--	--	--	--	--	--	--

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Tên thủ tục: Cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (mã TTHC: 1.003650)

1.1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, *các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;*

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn làm thủ tục đăng ký, vào Sổ đăng ký tàu cá và cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá theo Mẫu số 05.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và cấp Sổ danh bạ thuyền viên tàu cá theo Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trường hợp không cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

1) *Đối với tàu cá đóng mới gồm:*

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c. ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026

b) Giấy chứng nhận xuất xưởng do chủ cơ sở đóng tàu cấp theo Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT- BNNMT ngày 01/01/2026;

c) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

d) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

đ) *Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.*

2) *Đối với tàu cá cải hoán gồm:*

a) *Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c. ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026*

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) *Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.*

e) Giấy chứng nhận đăng ký cũ.

3) *Đối với tàu cá mua bán, tặng cho trong nước, gồm:*

a) *Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c. ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026*

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Giấy tờ chuyển nhượng quyền sở hữu tàu theo quy định;

đ) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu

e) Giấy chứng nhận xóa đăng ký đối với trường hợp mua bán ngoài tỉnh, thành phố;

4) *Đối với tàu cá nhập khẩu, tặng cho, viện trợ, gồm:*

a) *Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c. ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;*

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) *Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.*

đ) Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, đã qua sử dụng;

e) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

5) Đối với tàu cá thuộc diện thuê tàu trần, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c.ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

c) Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

d) Giấy chứng nhận xóa đăng ký kèm theo bản sao có chứng thực bản dịch tiếng Việt đối với tàu cá, tàu công vụ thủy sản đã qua sử dụng;

đ) Bản sao có chứng thực Tờ khai hải quan có xác nhận đã hoàn thành thủ tục hải quan;

e) Hợp đồng thuê tàu trần.

6) Đối với tàu cá trường hợp chủ tàu thay đổi nơi cư trú ngoài tỉnh, thành phố, gồm:

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02a.ĐKT, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo mẫu 02c.ĐK, Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

c) Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cũ kèm theo hồ sơ đăng ký gốc của tàu;

d) Giấy chứng nhận xóa đăng ký.

7) Đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động trước ngày Thông tư này có hiệu lực

a) Tờ khai đăng ký theo Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Thông tin của Biên lai nộp thuế trước bạ (số, ngày cấp, nơi cấp) do cơ quan thuế phát hành hoặc Biên lai nộp thuế trước bạ của tàu hoặc Tờ khai lệ phí trước bạ của tàu có xác nhận của cơ quan thuế;

c) Ảnh màu (9 x 12 cm, chụp toàn tàu theo hướng 2 bên mạn tàu);

d) Biên bản kiểm tra tàu theo Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét.

1.4. Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

1.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

1.8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

1.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 04p.BĐ Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02a.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 02c.ĐK Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 03.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 04.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 06.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

1.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Căn cứ Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu .

Mẫu số 02a.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Cảng đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): $L_{\max} = \dots\dots\dots$; $B_{\max} = \dots\dots\dots$; $D = \dots\dots\dots$

$L_{tk} = \dots\dots\dots$; $B_{tk} = \dots\dots\dots$; $d = \dots\dots\dots$

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

Tôi xin cam đoan sử dụng tàu đúng nội dung đã đăng ký và chấp hành đúng các quy định của pháp luật Nhà nước.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 02c.ĐKT

MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ ĐỐI VỚI TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐĂNG KÝ TÀU PHỤC VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Kính gửi:

Họ tên người đứng khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp Giấy chứng nhận đăng ký tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu

- Tên tàu:

- Công dụng:.....

- Chủ tàu:

- Khu vực nuôi trồng thủy sản:, theo
giấy phép số:, ngày

Docấp.

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, (DW):Số thuyền viên, người.....

- Máy chính:

TT	Hãng/nước sản xuất	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Nguồn gốc tàu⁽¹⁾ (ghi rõ tên, địa chỉ cơ sở nơi tàu được đóng mới hoặc tên địa chỉ chủ tàu bán, tặng, cho nếu tàu được mua, nhận tặng cho. Ghi rõ năm đóng mới, cải hoán hoặc mua, nhận tặng cho):

.....

- Hồ sơ kèm theo (nếu có), gồm:

- ☐ Giấy tờ mua bán theo quy định của pháp luật.
- ☐ Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký cũ (đối với trường hợp mua, nhận tặng cho).

- Các giấy tờ hợp pháp khác

.....
 .

- Hiện tại tàu thuộc sở hữu của và không có tranh chấp với bất cứ tổ chức cá nhân nào về quyền sở hữu.

3. Tôi xin cam đoan

- a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã khai.
- b) Chấp hành đúng các quy định của pháp luật về khai thác, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không sử dụng tàu để tham gia hoạt động khai thác thủy sản./.

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

¹ Áp dụng đối với tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản đang hoạt động chưa đăng ký

Mẫu số 03.ĐKT

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX , ngày... tháng ... năm 20..

GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XƯỞNG

Tên sản phẩm:.....

Nơi đóng:.....

Địa chỉ:.....

Năm đóng:.....

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm:

Thông số cơ bản của tàu: L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =..... L_{tk} =.....; B_{tk} =.....; d =.....

Vật liệu vỏ:.....; cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc đóng mới, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU**CƠ SỞ ĐÓNG TÀU****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /GCNXX

....., ngày...tháng...năm...

GIẤY CHỨNG NHẬN CẢI HOÁN, SỬA CHỮA TÀU

Tên sản phẩm:.....

Nơi cải hoán, sửa chữa:.....

Địa chỉ:.....

Thời gian thực hiện: từ ngày ... tháng ... năm.. đến ngày ... tháng ...năm...

Ký hiệu thiết kế:.....

Đơn vị thiết kế:.....

Cơ sở đăng kiểm phê duyệt thiết kế:

Thông số cơ bản trước cải hoán/sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk}...=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Thông số cơ bản sau cải hoán/ sửa chữa (m): $L_{\max}=.....; B_{\max}=.....; D=.....$ $L_{tk} =.....; B_{tk}...=.....; d=.....$

Vật liệu vỏ:....., Cấp tàu:.....

Công dụng (nghề):

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất (kW)	Năm chế tạo	Nơi chế tạo

Đã hoàn thành việc cải hoán/ sửa chữa, đủ điều kiện xuất xưởng./.

CƠ SỞ ĐÓNG TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên)

MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ CÓ CHIỀU DÀI LỚN NHẤT DƯỚI 12 MÉT
CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM TÀU CÁ **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /ĐKTC...

....., ngày tháng ... năm 20...



BIÊN BẢN KIỂM TRA TÀU CÁ
(Tàu có chiều dài lớn nhất dưới 12 mét)

Tên tàu:....., Số đăng ký(*):

Nơi kiểm tra:.....

Theo yêu cầu:..... ; Ngày tháng năm.....

Của:.....

Chúng tôi gồm:.....

Đăng kiểm viên của:.....

Tiến hành kiểm tra và xác nhận tàu cá có đặc điểm cơ bản như sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):.....

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký(*):

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Vật liệu vỏ:; Nghề kiếm:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

Biên bản này được lập 02 bản: Chủ tàu 01 bản, đăng kiểm tàu cá 01 bản.

CHỦ TÀU/ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU**ĐĂNG KIỂM VI**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (*) Ghi trong trường hợp cải hoán.

MẪU SỔ DANH BẠ THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

1. Mặt ngoài của trang bìa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chủ tàu:.....

Số sổ:.....

Năm.....

Quy cách sổ:

- Kích thước: A5 (14,8 x 21) cm;
- Bìa nền màu đỏ, các trang nền màu trắng

2. Trang 1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SỔ DANH BẠ
THUYỀN VIÊN TÀU CÁ

Số đăng ký:

Chiều dài tàu:

Nơi đăng ký:

Chủ tàu:; Điện thoại:

Ngày tháng năm sinh:; Số định danh cá nhân:

Nơi thường trú:.....

Sổ danh bạ này gồm 120 trang,
 được đánh số thứ tự từ 01 đến 120

.....Ngày tháng.....năm.....

CHI CỤC

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Năm.....

3. Trang 2

DANH SÁCH ĐĂNG KÝ THUYỀN VIÊN

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Chức danh	Số văn bằng/ chứng chỉ	Ghi chú
1						
2						
3						
4						
5						
6						
...						
...						

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG*(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)**..... Ngày tháng năm***XÁC NHẬN CỦA CHI CỤC***(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

4. Trang 3 đến trang 18

THAY ĐỔI, BỔ SUNG DANH SÁCH THUYỀN VIÊN

TT	Thuyền viên được thay		Thuyền viên mới				Ghi chú
	Họ và tên	Chức danh	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số định danh cá nhân	Số văn bằng, chứng chỉ	
1							
2							
3							
4							
5							
6							
....							
....							

CHỦ TÀU/THUYỀN TRƯỞNG
(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

.....Ngày tháng.....năm..... **XÁC**
NHẬN CỦA BỘ ĐỘI BIÊN PHÒNG *(Chữ*
ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

5. Trang 19 đến trang 120:

CHỨNG THỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM TRA, KIỂM SOÁT

Rời cảng	Xuất bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (... Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>
Cập cảng	Nhập bến
Kiểm tra, kiểm soát của Tổ chức quản lý cảng cá: Ngày..... tháng năm Nội dung:..... Nhận xét: Tổ chức quản lý cảng cá <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>	Kiểm tra, kiểm soát của Trạm kiểm soát Biên phòng: Ngày..... tháng năm Gồm:.....người (... Nam,...Nữ) Nhận xét: Trạm Kiểm soát Biên phòng <i>(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i>

2. Tên thủ tục: Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phụ vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003634)

2.1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định, Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã cấp đăng ký tàu cá trên địa bàn cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá. Trường hợp không cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá cơ quan có thẩm quyền trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

2.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

a) Tờ khai đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản theo Mẫu số 07.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026;

b) Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá hoặc Giấy xác nhận đã đăng ký; trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá bị mất, chủ tàu phải khai báo và nêu rõ lý do;

c) Ảnh màu hai bên mạn tàu (9 x 12 cm).

2.4. Thời hạn giải quyết: 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định.

2.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

2.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

2.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

2.8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định

2.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 07.ĐKT VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

2.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

**MẪU TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI
GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

TỜ KHAI ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ TÀU CÁ

Kính gửi:

Họ tên người khai:.....

Thường trú tại:

Số CCCD/CC:.....

Số điện thoại:.....

Đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá với nội dung sau:

1. Đặc điểm cơ bản của tàu:

Tên tàu:; Số đăng ký:.....

Năm, nơi đóng:.....

Nơi đăng ký:.....

Thông số cơ bản của tàu: $L_{\max}$ =; $B_{\max}$ =; D =

L_{tk} =; B_{tk} =; d =

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Trọng tải toàn phần, tấn:Số thuyền viên, người.....

Nghề chính:Nghề kiêm:.....

Vùng hoạt động:.....

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm	Ghi chú

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ)():**

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cước công dân	Giá trị cổ phần

3. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi xin cam đoan những nội dung nêu trên là đúng sự thật.

ĐẠI DIỆN CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

3. Tên thủ tục: Xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản (Mã TTHC: 1.003681)

3.1. Trình tự, thủ tục

a) Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đến Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Bộ phận một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật, các thành phần hồ sơ là bản gốc hoặc bản chính hoặc bản sao y hoặc bản sao chứng thực;

- Trường hợp nộp hồ sơ bằng hình thức trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia, các thành phần hồ sơ là bản gốc được xác lập trên môi trường điện tử hoặc bản gốc, bản chính được scan theo quy định.

b) Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã lời ngay tính đầy đủ của hồ sơ đối với trường hợp nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa; trả lời tính đầy đủ của hồ sơ trong 01 ngày làm việc đối với trường hợp nộp hồ sơ thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật và nộp hồ sơ trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia;

c) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế hoặc tàu công vụ thủy sản, trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

d) Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ

Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh tổ chức kiểm tra thực tế, lập biên bản xác minh tình trạng của tàu theo Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra thực tế, nếu xác định tàu đã được phá hủy, phá dỡ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

đ) Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ

Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh đối chiếu Danh sách tàu cá khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định. Trường hợp không thuộc danh sách tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định của Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; trả hồ sơ đăng ký gốc của tàu và giấy chứng nhận đăng ký cũ đã cắt góc phía trên bên phải cho chủ tàu; trường hợp không cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

e) Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt, sau 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh lập biên bản xác nhận tình trạng của tàu theo Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 và xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu

g) Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài), cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu cá trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

h) Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin: cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản cấp tỉnh xóa tên tàu trong Sổ đăng ký tàu và thông báo đến chính quyền địa phương nơi chủ tàu cư trú, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng để phối hợp quản lý; đồng thời gửi cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để đăng tải trên trang thông tin điện tử.

3.2. Cách thức thực hiện: Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa; hoặc thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật; hoặc trực tuyến tại Cổng Dịch vụ công quốc gia.

3.3. Thành phần, số lượng hồ sơ: Tổ chức, cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ, bao gồm

Tờ khai xóa đăng ký tàu cá theo Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

3.4. Thời hạn giải quyết:

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản bán, tặng, cho, thừa kế: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định

- Đối với tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản phá hủy, phá dỡ: 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu cá Việt Nam xuất khẩu, viện trợ: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo quy định;

- Đối với tàu bị chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt: 30 ngày kể từ ngày tàu bị chìm đắm;

- Đối với tàu cá vi phạm khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định ở vùng biển của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ khác hoặc vùng biển thuộc thẩm quyền quản lý của Tổ chức quản lý nghề cá khu vực bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy: 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản về việc tàu cá đã bị bắt giữ, tịch thu và phá hủy (bản án, quyết định của cơ quan có thẩm quyền quốc gia bắt giữ, xử lý hoặc văn bản xác nhận của Bộ Ngoại giao hoặc cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước ngoài);

- Đối với tàu cá được cơ quan đăng ký tàu cá thông báo tới chủ tàu cá, thông tin tìm kiếm trên phương tiện truyền thông 06 tháng nhưng không có thông tin.

3.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

3.6. Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

3.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận xóa đăng ký tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

3.8. Phí, lệ phí (nếu có): Chưa có văn bản quy định.

3.9. Mẫu đơn, mẫu tờ khai: Mẫu số 10.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 11.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 12.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026; Mẫu số 13.ĐKT Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số

02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026.

3.10. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Thủy sản số 18/2017/QH14 ngày 21 tháng 11 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

- Thông tư số 02/2026/TT-BNNMT ngày 01/01/2026 quy định về đăng kiểm viên tàu cá; bảo đảm an toàn kỹ thuật; đăng ký, xóa đăng ký tàu cá, tàu công vụ thủy sản, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; treo cờ và đánh dấu tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản; nhập khẩu tàu cá; phân loại cảng cá; công bố mở, đóng cảng cá; công bố khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

MẪU TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
~~Independence - Freedom - Happiness~~

**TỜ KHAI XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/ TÀU CÔNG VỤ THỦY SẢN/TÀU PHỤC
 VỤ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN(*)**

Kính gửi:(1).....

Đề nghị xóa đăng ký...(2)... với các thông số dưới đây kể từ ngày .../.../20..

Kindly deregister the with the following particulars from date

Tên(3)..... Hô hiệu/số IMO:

Name

Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ và tỉ lệ sở hữu):

Shipowner (name, address and ratio of ownership)

Người đề nghị xóa đăng ký (tên, địa chỉ):

Applicant (name, address)

Nơi đăng ký:

Place of registry

Số đăng ký:; Ngày đăng ký:

Number of registration

Date of registration

Cơ quan đăng ký:

The Registrar of ship

Lý do xin xóa đăng ký⁽⁴⁾

Reasons to deregister

Date....., ngày ... tháng ... năm...

CHỦ SỞ HỮU

Owner

Ghi chú (Note):

(1) Tên cơ quan đăng ký *The ship Registration office*

(2) Loại phương tiện đăng ký: Tàu cá, tàu công vụ thủy sản

Type of transport facility registration/registry (vessel, public service ship)

(3) Tên phương tiện *(Name of transport facility)*

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký (phá dỡ, phá hủy, bán, tặng cho, xuất khẩu, ...) *Note the reason to deregister (demolish, destroy, sell, give away, export, ...).*

(*) Xuất trình kèm theo Giấy chứng nhận đăng ký cũ hoặc nộp bản cam kết nêu rõ lý do trong trường hợp bị mất.

(Please present the old registration certificate or submit a written statement explaining the reason in case of loss)

Mẫu số 11.ĐKT

MẪU BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH TÌNH TRẠNG TÀU CÁ XÓA ĐĂNG KÝ

Căn cứ quy định tại Thông tư số .../2025/TT-BNNMT ngày tháng năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Theo đề nghị xóa đăng ký tàu cá tại Tờ khai xóa đăng ký tàu cá ngàytháng ... năm 20 ... của chủ tàu.

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

Người thực hiện xác minh

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Chủ tàu cá:, số CCCD:

Cùng nhau kiểm tra và xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):

Năm, nơi đóng:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): L_{max} =.....; B_{max} =.....; D =.....

L_{tk} =.....; B_{tk} ...=.....; d =.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Tình trạng tàu tại thời điểm kiểm tra

a) Phần thân tàu:

b) Phần máy tàu:

c) Phần trang thiết bị:

4. Kết luận:

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã được (phá dỡ, phá hủy, không còn khả năng hoạt động):

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

CHỦ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN ỦY BAN

NHÂN DÂN XÃ

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN LÝ THỦY SẢN

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ
họ tên, đóng dấu)

**MẪU BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN TÌNH TRẠNG TÀU CÁ CHÌM, ĐÁM DO TAI
NẠN KHÔNG THỂ TRỤC VỚT**

Hôm nay, ngày tháng năm, chúng tôi gồm có:

1. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản:
2. Đại diện Ủy ban nhân dân xã:
3. Đại diện Trạm biên phòng:
4. Chủ tàu/đại diện chủ tàu:, số CCCD:

Cùng nhau xác nhận như sau:

1. Tàu cá có đặc điểm cơ bản sau:

Tên tàu:; Công dụng (nghề):

Số đăng ký:

Nơi đăng ký:

Thông số cơ bản của tàu (m): Lmax=.....; Bmax=.....; D=.....

Ltk =.....; Btk...=.....; d=.....

Vật liệu vỏ:; Tổng dung tích (GT):

Vùng hoạt động:

Máy chính:

TT	Ký hiệu máy	Số máy	Công suất định mức, kW	Vòng quay định mức, rpm

2. Họ tên, địa chỉ của từng chủ sở hữu (Nếu tàu thuộc sở hữu nhiều chủ):

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Chứng minh nhân dân/căn cước công dân

3. Các thông tin khác về tàu (nếu có)

.....

4. Kết luận

Tại thời điểm kiểm tra, tàu đã chìm đắm do tai nạn không thể trục vớt.

Họ tên, chữ ký những người có mặt khi kiểm tra:

.....

.....

.....

Biên bản kết thúc vào lúc ... ngày tháng năm 20...

**CHỦ TÀU/ĐẠI
DIỆN CHỦ TÀU**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN
BIÊN PHÒNG**

(Chữ ký/ký số -nếu
có, ghi rõ họ tên,
đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN ỦY BAN
NHÂN DÂN XÃ**

(Chữ ký/ký số -nếu có,
ghi rõ họ tên, đóng
dấu)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
QUẢN LÝ THỦY
SẢN**

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi
rõ họ tên, đóng dấu)

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness



**GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ĐĂNG KÝ TÀU CÁ/TÀU PHỤC VỤ NUÔI
TRỒNG THỦY SẢN**

Certificate of deregistration of Fishing Vessel/Ships serving aquaculture^(*)

.....(1) Chứng nhận(2)..... có các thông số dưới đây đã được xóa
đăng ký trong Sổ đăng ký tàu cá Việt Nam:

..... Hereby certify that the ship with the following particulars has been deregistered from the Viet Nam National ships registration book:

Tên(3)..... Hồ hiệu/Số IMO:

Name Call sign/IMO number

Chủ sở hữu (tên, địa chỉ, tỉ lệ sở hữu tài):
 Owner (name, address, ratio of ownership)

Số GCN đăng ký:
Number of registration

Ngày đăng ký:
Date of registration

Cơ quan đăng ký:
The Registrar of ship

Người đề nghị (tên, địa chỉ):
Applicant (name, address)

Lý do xóa đăng ký(4).....
Reasons to deregister

Ngày có hiệu lực xóa đăng ký:
Date of deregist

Số đăng ký: Cấp tại , ngày tháng năm
Number of registration Issued at , on

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐĂNG KÝ TÀU

(Chữ ký/ký số -nếu có, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Full name, signature of duly authorized official

Ghi chú (Note):

(1) *Tên cơ quan đăng ký*
The ship Registration office

(2) Loại tàu đăng ký: Tàu cá, tàu phục vụ nuôi trồng thủy sản

Type of transport facility registration/registry (Fishing vessel, Ships serving aquaculture)

(3) Tên tàu
Name of transport facility

(4) Ghi rõ lý do xóa đăng ký
Note the reason to deregister